

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **20/2022/DS-ST**.

Ngày: 28/3/2022.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đoạt.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện HĐ, tỉnh KG.

Bị đơn: Ông **Bùi Đức H**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện HĐ, tỉnh KG.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện HĐ, tỉnh KG.

(Ông P có mặt, ông H và bà G có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Thanh P trình bày như sau:*

Vào ngày 17/7/2019 âm lịch, ông Nguyễn Thanh P có cho ông Bùi Đức H vay số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 tháng, lãi suất 9%/tháng, việc vay tiền hai bên có lập biên nhận tay cùng ngày. Khi vay ông H cho biết vay về nhằm mục đích làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Từ khi vay cho đến nay ông H không đóng lãi và cũng không trả gốc.

Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Thanh P yêu cầu ông Bùi Đức H và vợ là bà Nguyễn Thị G phải liên đới trả cho ông số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày 15/11/2021 là 27 tháng, lãi suất 1,6%/tháng, thành tiền là 43.200.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 143.200.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông P xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của mình; Cụ thể ông P chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Đức H phải trả cho ông số tiền vay còn nợ là 100.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày 15/11/2021 là 27 tháng với mức lãi suất theo quy định của pháp luật và không yêu cầu bà Nguyễn Thị G cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông.

** Tại Bản tự khai đề ngày 15/02/2022 bị đơn ông Bùi Đức H trình bày:*

Ông Bùi Đức H thừa nhận có vay của ông Nguyễn Thanh P số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất 9%/tháng, thời hạn vay 1 tháng, việc vay tiền có lập biên nhận cùng ngày, số tiền vay này ông H sử dụng vào mục đích làm ăn kinh tế trong gia đình. Sau khi vay ông có đóng lãi cho ông P nhiều lần nhưng số tiền bao nhiêu thì ông không nhớ và ông cũng không có gì chứng minh cho việc trả lãi này.

Nay ông Nguyễn Thanh P khởi kiện yêu cầu ông và bà G cùng trả số tiền vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày 15/11/2021 là 27 tháng, lãi suất 1,6%/tháng, thành tiền là 43.200.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 143.200.000 đồng thì ông H đồng ý trả nhưng hiện tại hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin được trả dần số tiền gốc mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi hết số nợ trên, còn tiền lãi thì ông H xin được miễn lãi.

** Tại Bản tự khai đề ngày 16/3/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G trình bày như sau:*

Bà Nguyễn Thị G là vợ của ông Bùi Đức H, bà và ông H cưới nhau vào năm 2002, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào năm 2003. Khoản vay 100.000.000 đồng của ông H với của ông P thì bà hoàn toàn không hay biết, bà không biết ông H vay khi nào, vay bao nhiêu tiền, ông H cho rằng vay về để chi tiêu và phát triển kinh tế trong gia đình là không đúng, mọi chi tiêu trong gia đình là do bà lo liệu, ông H sử dụng vào mục đích cá nhân, đến khi Tòa án đến tổng đạt giấy thì bà mới biết đến khoản vay này. Do đó việc ông P yêu cầu bà cùng với ông H phải trả tiền nợ cho ông P thì bà G không đồng ý, vì bà không có vay tiền của ông P. Ông H vay tiền của ông P thì ông H có trách nhiệm trả, bà không có trách nhiệm gì trong vụ việc này. Đồng thời bà G đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt do bà phải đi làm ăn.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh P, buộc ông Bùi Đức H phải trả cho ông P số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất của pháp luật; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông P đối với yêu cầu bà G cùng có trách nhiệm với ông H trả nợ cho ông P; Về án phí dân sự buộc ông H phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, ông Nguyễn Thanh P yêu cầu ông Bùi Đức H phải trả cho ông số tiền vay còn thiếu nên đây được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; bị đơn ông Bùi Đức H có nơi cư trú tại khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Bùi Đức H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà G theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung vụ án:* Qua lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định như sau:

Vào ngày 17/7/2019 âm lịch, ông Nguyễn Thanh P có cho ông Bùi Đức H vay số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 tháng, lãi suất 9%/tháng, việc vay tiền hai bên có lập biên nhận tay cùng ngày. Từ khi vay cho đến nay ông H không đóng lãi và cũng không trả gốc. Vì vậy, ông P khởi kiện yêu cầu ông Bùi Đức H và vợ là bà Nguyễn Thị G phải liên đới trả cho ông số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày 15/11/2021 là 27 tháng, lãi suất 1,6%/tháng, thành tiền là 43.200.000 đồng, tổng cộng gốc, lãi là 143.200.000 đồng.

Tại phiên tòa ông P xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của mình; Cụ thể ông P chỉ yêu cầu ông Bùi Đức H phải trả cho ông số tiền vay còn nợ là 100.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày 15/11/2021 là 27 tháng với mức lãi suất theo quy định của pháp luật và không yêu cầu bà Nguyễn Thị G cùng có trách nhiệm với ông H trả nợ cho ông.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng; Lời khai của ông P và ông H về số tiền vay, lãi suất vay và thời hạn trả nợ là hoàn toàn trùng khớp

với nhau nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình làm việc tại Tòa án ông H thừa nhận ông vẫn còn nợ ông P số tiền vay gốc là 100.000.000đồng và đồng ý có trách nhiệm trả số tiền này cho ông P. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện trả nợ của ông H. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trả nợ của các đương sự, ông H có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền vay gốc 100.000.000đồng.

[4] Đối với bà Nguyễn Thị G (vợ ông H); Theo đơn khởi kiện ông P có yêu cầu bà G phải có trách nhiệm cùng ông H trả nợ cho ông. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông P xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà G vì khi ông cho ông H vay tiền và khi giao tiền đều không có mặt bà G nên ông không biết bà G có biết việc ông H vay tiền của ông hay không. Do đó, ông không yêu cầu bà G phải có trách nhiệm với ông H trả nợ cho ông. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị G là sự tự nguyện của đương sự và không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi; Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, thời gian tính lãi tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày 15/11/2021. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu tính lãi này là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất với mức lãi suất 9%/tháng. Nay ông P chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Thời gian tính lãi suất như sau: tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày 15/11/2021 là 27 tháng: $100.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 27 \text{ tháng} = 44.820.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng gốc lãi là 144.820.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu của ông H xin được trả dần số nợ trên nhưng không được ông P đồng ý. Căn cứ theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính quy định "...Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành ...". Vì vậy, yêu cầu này của ông H là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận trong quá trình nghị án.

[8] Về án phí DSST: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì ông H phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho ông P.

Ông P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh P.

Buộc ông Bùi Đức H phải trả cho ông Nguyễn Thanh P số tiền 144.820.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông P có đơn yêu cầu thi hành án phía ông H còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án này.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh P đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị G cùng có trách nhiệm với ông Bùi Đức H trả nợ cho ông P.

3/ Về án phí DSST: Buộc ông Bùi Đức H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.241.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.580.000đồng theo biên lai thu số 0001553 ngày 13/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

4/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Hồng Điệp